

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LỘC
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2024/HS-ST
Ngày 30-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thúy Phương

Ông Nguyễn Hoàng Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Sầm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lộc Thị Mận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án và điểm cầu thành phần tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn gồm có: Bị cáo, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án, cán bộ chiến sỹ thuộc cơ sở giam giữ đối với hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T (tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/7/1987 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn H, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Phương L; có vợ là Đàm Thị L1 và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính không số, ngày 11/5/2016 của Công an thành phố L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt Nguyễn Thành T về hành vi cố ý gây thương tích, mức phạt 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), Nguyễn Thành T đã thi hành xong (đã được xóa tiền sự). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2024; tạm giam từ ngày 16/6/2024 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn đến nay; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1963;

Trú tại: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phùng Trung D, sinh năm 1985;

Trú tại: K, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1983; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 03/6/2024, Nguyễn Thành T và Nguyễn Mạnh H cùng nhau đến quán trà đá gần khu vực ngã tư M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn uống rượu. Sau đó Nguyễn Thành T và Nguyễn Mạnh H cùng bắt xe buýt đến nhà bạn của Nguyễn Thành T tên là N1 (không rõ họ cụ thể) ở xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn câu cá. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày cả hai đi đến nhà N1 nhưng N1 không ở nhà. Nguyễn Thành T và Nguyễn Mạnh H đi bộ về thành phố L. Trên đường về đến khu vực thôn N, xã T, huyện C, Nguyễn Thành T thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SUPER DREAM, biển kiểm soát: 12K7-1727 của ông Hoàng Văn N, trú tại thôn N, xã T, huyện C để ở cạnh đường chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ điện. Lúc này Nguyễn Thành T nảy sinh ý định lấy trộm nên ngồi lên xe mô tô, mở chìa khóa xe và bảo Nguyễn Mạnh H “đi về thôi anh”, lúc đó Nguyễn Mạnh H hỏi Nguyễn Thành T “xe của ai?”, Nguyễn Thành T trả lời “xe của N1 mượn rồi trả sau” thì Nguyễn Mạnh H ngồi lên xe mô tô. Nguyễn Mạnh H bảo Nguyễn Thành T đưa đến khu vực cầu M thuộc thôn K, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn thì xuống xe và đi về nhà. Sau đó Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô trên đi loanh quanh trong thành phố L, khi mệt thì ngủ tại ghé đá ở công viên bờ sông. Đến khoảng 15 giờ ngày 04/06/2024, Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô đến nhà Chung Thế M (bạn của Nguyễn Thành T ở khối H, phường T, thành phố L) để uống rượu thì gặp P Trung Du làm nghề sửa chữa xe mô tô. Trong lúc ngồi uống rượu, Nguyễn Thành T hỏi Phùng T có mua xe mô tô không, Phùng Trung D trả lời không mua. Sau đó, Nguyễn Thành T nhờ Phùng Trung Du sửa chiếc xe mô tô trên. Sau khi sửa xe xong thì Phùng Trung D đồng ý mua xe. Nguyễn Thành T điều khiển xe mô tô về quán sửa xe của Phùng Trung D tại đường B, thành phố L. Nguyễn Thành T nói với Phùng Trung D “xe này là của tao vừa đi làm dưới Bắc Ninh về trên đường bị rơi giấy tờ, giờ tao đang cần tiền nên bán rẻ cho”. Phùng Trung Du hỏi Nguyễn Thành T bán bao nhiêu, Nguyễn Thành T trả lời là bán khoảng 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, Phùng Trung D đồng ý mua chiếc xe mô tô với giá là 2.000.000 đồng, nhưng do không có đủ tiền mặt nên Phùng Trung D bảo với Nguyễn Thành T về nhà lấy và hẹn Nguyễn Thành T đến khu vực trường Tiểu học T1, thành phố L để đưa tiền. Nguyễn Thành T để xe mô tô ở quán sửa xe của Phùng T và đi bộ đến khu vực cổng trường tiểu học T1 đợi Phùng T đến và đưa số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền mặt. Số tiền trên Nguyễn Thành T đã tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 07/6/2024 Nguyễn Thành T đến Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi của bản thân.

Sau khi sự việc xảy ra, anh Phùng Trung D đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh điều tra Công an tỉnh L 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Super

Dream, biển kiểm soát: 12K7- 1727 và Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản này cho bị hại Hoàng Văn N.

Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, biển kiểm soát: 12K7-1727; số máy: HA08E1104854; số khung: 08078Y087462, màu nâu, đã qua sử dụng, mang tên chủ xe Hoàng Văn N, đăng ký lần đầu ngày 31/3/2009. Tổng giá trị tài sản là 3.080.000đồng (ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 51/CT-VKS ngày 16-8-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Bị cáo thừa nhận biết đó không phải xe của anh N1 nhưng đã nói dối Nguyễn Mạnh H để chiếm đoạt chiếc xe bán lấy 2.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo biết hành vi đó là vi phạm pháp luật.

Bị hại ông Hoàng Văn N trong quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt xác nhận toàn bộ sự việc đúng như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Tài sản là 01 chiếc xe mô tô đã nhận lại đầy đủ, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Bị hại đề nghị xử lý hành vi của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh P Trung Du trong quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện: Khoảng 15 giờ ngày 04/6/2024, anh Phùng Trung D có mua của bị cáo Nguyễn Thành T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream biển kiểm soát: 12K7- 1727 với giá 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Khi mua xe, anh P Trung Du không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Sau khi sự việc xảy ra, anh Phùng Trung D giao nộp chiếc xe mô tô đã mua của bị cáo cho cơ quan chức năng. Đối với số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) anh đã bỏ ra mua xe của bị cáo, anh P Trung Du không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù giam.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về xử lý tang vật: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xác nhận chiếc xe mô tô đã được trả cho ông Hoàng Văn N.

Về phần bồi thường dân sự: Bị hại ông Hoàng Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh P Trung Du không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, truy thu sung ngân Nhà nước số tiền 2.000.000đồng do bị cáo phạm tội mà có.

Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Phiên tòa mở lần thứ nhất, ông Hoàng Văn N, anh Phùng Trung D đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên họ đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người làm chứng anh Nguyễn Mạnh H vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với bản luận định giá tài sản và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Khoảng 11 giờ ngày 03/6/2024, Nguyễn Thành T lợi dụng sơ hở của người khác đã lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Super Dream, biển kiểm soát: 12K7-1727 của ông Hoàng Văn N, trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn để cạnh đường và bán được 2.000.000đồng (hai triệu đồng) để tiêu sài cá nhân. Kết luận định giá tài sản Nguyễn Thành T trộm cắp được là 3.080.000đồng (ba triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Do đó, C Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thành T về tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo mặc dù thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về quyền tài sản của người khác được pháp

luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 chiếc xe mô tô trị giá 3.080.000đồng. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền chi tiêu cá nhân mà bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Điều đó đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an ninh trên địa bàn dân cư. Do vậy, hành vi của bị cáo gây ra cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Công an huyện C đầu thú. Do vậy, bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có 01 tiền sự, đã được xóa nhưng xác định bị cáo là người có nhân thân không tốt.

[7] Trên cơ sở phân tích trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng sẽ cân nhắc giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh thể hiện: Bị cáo không nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với anh Phùng Trung D là người mua chiếc xe máy của bị cáo, do anh Phùng Trung D không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Phùng Trung D.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Hoàng Văn N đã nhận lại đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh P Trung Du không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) khi mua xe mô tô. Xác định anh Phùng Trung D tự chấm dứt quyền sở hữu đối với số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Xét thấy, đây là sự tự nguyện của anh Phùng Trung D, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 239 Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận vấn đề này.

[11] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Cần truy thu số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thành T do phạm tội mà có theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[12] Về tang vật: Chiếc xe mô tô là tang vật đã được Công an huyện C trả lại cho chủ sở hữu là ông Hoàng Văn N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[14] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 293, khoản 1 Điều 331, 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 06 (sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/6/2024.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thành T.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Thành T do phạm tội mà có.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Đội Tổng hợp Công an H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CQTHAHS Công an huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có QL, NV liên quan;
- Lưu: Tổ HCTP, HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lương Thị Mỹ Hạnh